

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 65/2018/DS-ST.

Ngày: 13/11/2018.

“V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Thanh.

Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang, Thư ký Tòa án Huyện.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên
Tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Lợi - Kiểm sát viên.

Trong các 05- 13//11/2018, tại Trụ sở Tòa án huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167A/2018/TLST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 204/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018; giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp HL, xã TM, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

(Chị Lê Thị Ngọc D ủy quyền cho anh Trần Văn H, sinh năm 1987; theo văn bản ủy quyền số 15/2018, ngày 09/4/2018)

Bị đơn: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp LA, xã TM, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp

(Chị D, anh H và chị H có mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị Ngọc D (ủy quyền cho anh Trần Văn H) trình bày: Vào ngày 09 tháng 3 năm 2015 thì chị có cho chị H mượn số tiền 20 triệu với lãi suất 2%/tháng, sau đó chị

H có đóng lãi cho chị được 21 tháng với số tiền là 8.400.000 đồng. Hiện từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay, chị H không có đóng lãi; tính đến thời điểm này là 13,5 tháng, tính với lãi suất là 1,125%/tháng (Có biên nhận). Vậy tiền lãi $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 13,5 \text{ tháng} = 3.037.500 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là $20.000.000\text{đ} + 3.037.500\text{đ} = 23.037.500\text{đ}$

Vào ngày 12/5/2015 chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục mượn chị số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng để trả lương hàng tháng. Chị H có đóng lãi cho chị được 19 tháng với số tiền là 7.600.000 đồng. Từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay, chị H không chịu đóng lãi cho chị. Tính đến thời điểm hiện nay là 14,5 tháng với lãi suất 1,125%/tháng (Có biên nhận). Vậy $20.000.000\text{đ} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 14,5 \text{ tháng} = 3.262.500\text{đ}$. Tổng tiền gốc và tiền lãi là 23.262.500 đồng.

Vào ngày 16/5/2015 chị Nguyễn Thị Thu H mượn của chị thêm 40.000.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng, chị H có đóng lãi cho chị được 19 tháng với số tiền là 15.200.000 đồng. Từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay chị H không có đóng lãi cho chị, tính đến thời điểm này là 15,5 tháng với lãi suất là 1,125%/tháng (Có biên nhận). Vậy $40.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 15,5 \text{ tháng} = 6.975.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi là 46.975.000 đồng.

Tổng cộng chị H thiếu chị tiền gốc và tiền lãi là 93.275.000 đồng.

Đến ngày 06/01/2018 (nhằm ngày 21/11/2017 âm lịch) chị Nguyễn Thị Thu H có trả cho chị được số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

Nay chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thu H trả cho chị nợ gốc và tiền lãi là 63.275.000 đồng (trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi 13.275.000 đồng). Tại phiên Tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi là từ ngày 10/01/2017 đến 10/4/2018, với lãi suất là 1,125%.

- Tại bản khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Vào khoảng tháng 2 năm 2015 do chị gặp khó khăn nên chị có vay tiền của chị Lê Thị Ngọc D, với lãi suất là 2 %/tháng, cụ thể như sau:

Ngày 9/3/2015 chị có vay của chị Lê Thị Ngọc D số tiền là 20 triệu, lãi suất 2%/tháng. Số tiền này chị đã trả cho chị D vào ngày 09/01/2016, trả không lấy biên nhận.

Ngày 12/5/2015 chị có vay của chị Lê Thị Ngọc D số tiền 20 triệu, lãi suất 2%/tháng

Ngày 16/5/2015 chị có vay của chị Lê Thị Ngọc D số tiền 40 triệu, lãi suất 2%/tháng.

Hai phần tiền ngày 12/5/2015 và 16/5/2015 để tiện cho việc đăng lãi, nên chị và chị D, thống nhất lấy ngày một tây hàng tháng chị đóng lãi cho chị D, bắt đầu đóng lãi là ngày 1/7/2015. Số tiền này chị đã trả cho chị D được ba đợt:

Đợt 1: Ngày 01/10/2016 chị trả cho chị D 10 triệu, chị không lấy biên nhận.

Đợt 2: Ngày 01/11/2016 chị trả cho chị D 20 triệu (chị không lấy biên nhận)

Đợt 3: Ngày 04/01/2018 chị có gửi cho Cô Võ Hồng H trả chị D số tiền 33.200.000 đồng (chị D không đưa biên nhận)

Số tiền chị mượn của chị D, chị đã trả xong, theo đơn khởi kiện của chị D yêu cầu chị trả số tiền còn thiếu là 63.275.000 đồng, chị không đồng ý.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nên không có ý kiến gì; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án; vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Chị D yêu cầu chị H trả số tiền vốn là 50.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 10/01/2017 đến 06/01/2018 tổng cộng là 12 tháng với lãi suất 1,125%/tháng trên số vốn là 80.000.000 đồng và lãi từ 07/01/2018 đến 10/4/2018 tổng cộng 3 tháng với lãi suất 1.125%/tháng trên số vốn 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị D rút yêu cầu đối với số tiền vốn là 20.000.000 đồng và lãi của biên nhận ngày 09/3/2018; xét thấy việc rút yêu cầu của chị D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Chị H thừa nhận vay của chị D theo ba biên nhận: Ngày 09/3/2015 vay 20.000.000 đồng, ngày 12/5/2015 vay 20.000.000 đồng, ngày 16/5/2015 vay 40.000.000 đồng. Đối với gói 60.000.000 đồng (ngày 12/5/2015 vay 20.000.000 đồng, ngày 16/5/2015 vay 40.000.000 đồng), chị H cho rằng đã trả các đợt:

Ngày 01/10/2016 trả 10.000.000 đồng trả tại nhà chị D, không có biên nhận, không có chứng cứ để chứng minh nên không chấp nhận lời trình bày của chị H.

Ngày 01/11/2016 trả 20.000.000 đồng trả tại nhà chị D, không biên nhận, không có chứng cứ để chứng minh, nên không chấp nhận theo lời trình bày của chị H.

Ngày 04/01/2018 gửi cô H trả chị D 30.000.000 đồng, không có biên nhận, phần này chị D thừa nhận có nhận 30.000.000 đồng do cô H đưa, nên lời trình bày của chị H là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc D yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H trả số tiền vốn 30.000.000 đồng và lãi là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết một phần vụ án do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn 20.000.000 đồng và lãi của biên nhận ngày 09/3/2018; căn cứ Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc D, buộc chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho chị D số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 10/01/2017 đến ngày 10/4/2018 là 15 tháng với lãi suất là 1.125%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn và lãi mà nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vay của nguyên đơn và nay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời bị đơn có địa chỉ tại huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc D về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H, trả cho chị nợ gốc và tiền lãi là 63.275.000 đồng (trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi 13.275.000 đồng). Tại phiên Tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện phần vốn và lãi của biên nhận ngày 09 tháng 3 năm 2015; nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền mà chị H còn thiếu là 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi là từ ngày 10/01/2017 đến 10/4/2018, tổng cộng là 15 tháng, với lãi suất là 1,125%, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Tại phiên Tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Ngọc D rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị Thu H trả số tiền vốn và lãi đối với số tiền là 20.000.000 đồng của biên nhận ngày 09/3/2018 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết một phần vụ án do đương sự đã rút yêu cầu.

[5] Đối với yêu cầu của chị D yêu cầu chị H trả số tiền vay 30.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 10/01/2017 đến 10/4/2018 (của hai gói vay ngày 12/5/2015 vay 20.000.000 đồng và ngày 16/5/2015 vay 40.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng, ngày 06/01/2018 chị H trả 30.000.000 đồng; còn nợ 30.000.000 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị D là có căn cứ; bởi vì: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H thừa nhận là chị có vay của chị D ba khoản vay cụ thể: Ngày 09/3/2015 vay 20.000.000 đồng; ngày 12/5/2015 vay 20.000.000 đồng và ngày 16/5/2015 vay 40.000.000 đồng; đối với gói vay 12/5/2015 và ngày 16/5/2015 tổng cộng là 60.000.000 đồng, chị H đã gửi cô Võ Hồng H trả cho chị D là 30.000.000 đồng (được chị D thừa nhận); số tiền vay còn thiếu của chị D là 50.000.000 đồng (biên nhận 09/3/2015 là 20.000.000 đồng và gói vay 12/5/2015 và 16/5/2015 còn nợ 30.000.000 đồng), chị H cho rằng chị đã trả xong cho chị D số tiền 50.000.000 đồng; căn cứ để chứng minh cho lời trình bày của chị H là chị H xuất trình đoạn ghi âm, ghi lại cuộc nói chuyện giữa chị H và chị D; nhưng qua xem xét nội dung đối thoại của chị D và chị H trong đoạn ghi âm, thì không có nội dung nào chị D thừa nhận là gói vay ngày 12/5/2015 và ngày 16/5/2015 chị H còn thiếu 30.000.000 đồng chị H đã trả xong cho chị D; ngoài đoạn ghi âm này thì chị H cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh, là chị H đã trả xong cho chị D số tiền 30.000.000 đồng; tại phiên Tòa chị D rút yêu cầu không khởi kiện chị H trả số tiền vay của biên nhận ngày 09/3/2015 với số tiền là 20.000.000 đồng thì chị H không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của chị D là có cơ sở và yêu cầu của chị D về số tiền gốc 30.000.000đ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với số tiền lãi, tại phiên tòa, chị D yêu cầu tính lãi từ ngày 10/01/2017 đến ngày 10/4/2018 là 15 tháng với mức lãi suất 1.125%/tháng, bằng số tiền 5.063.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy; trong biên nhận vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng; nay chị D chỉ yêu cầu về lãi suất chậm trả với lãi suất là 1.125%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc D; buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Ngọc D số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 5.063.000 đồng, tổng cộng là 35.063.000 đồng; đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với số tiền 20.000.000 đồng và lãi của biên nhận ngày 09/3/2015 do nguyên đơn rút yêu cầu.

[8] Xét thấy tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu quan điểm về phần nội dung giải quyết vụ án, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho chị D số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/01/2017 đến 10/4/2018 là 15 tháng với lãi suất là 1.125%/tháng. Hội đồng xét xử, xét thấy như đã phân tích ở trên. Cho nên, Hội đồng xét xử, chấp nhận quan điểm phát biểu về nội dung giải quyết vụ án, của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười.

[9] Về án phí, do yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc D được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 429, 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 147, 235, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc D về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H trả số tiền vốn vay gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 5.063.000 đồng, tổng cộng là 35.063.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Ngọc D số tiền vốn vay là 30.000.000đ và tiền lãi là 5.063.000đ, tổng cộng là 35.063.000đ (Ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Lê Thị Ngọc D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Lê Thị Ngọc D, số tiền 1.582.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002972 ngày 17/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

+ Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 1.753.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký tên đóng dấu)

Lê Văn Ngọc